UBND TỈNH THÁI NGUYÊN **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2630/QĐ-SYT	*Thái Nguyên, ngày 29 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2065 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc sửa đổi Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Biên bản họp Tổ thư ký thẩm định hồ sơ cấp mới, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của Sở Y tế Thái Nguyên ngày 29/10/2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới 24 giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; Cấp lại 04 giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (*có danh sách kèm theo).*

Điều 2. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y và các ông, bà có tên tại Điều 1 thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2 (T/hiện);
- Lãnh đạo SYT (B/cáo);
- BP tiếp nhận và trả KQ TTHC (Uyên);
- Website SYT;
- Lưu: VT, NVY (Hieult).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH THÁI NGUYÊN

Tiêu Thị Vân Hạnh

DANH SÁCH CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(kèm theo Quyết định số 2630/QĐ-SYT ngày 29/10/2026 của Giám đốc Sở Y tế Thái Nguyên về việc cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Số Căn cước công dân	Chức danh chuyên môn	Số GPHN	Phạm vi hành nghề	Thời hạn giấy phép	Loại cấp
1	MẠC THỊ MINH TÂM	14/5/1999	Tổ 18, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên	019199008995	Điều dưỡng	002072	Điều dưỡng	29/10/2031	Cấp lại do bị mất
2	DƯƠNG THỊ TRỌNG	02/8/1981	Xóm Lương Tạ, xã Kha Sơn, tỉnh Thái Nguyên	019181001212	Điều dưỡng	002073	Điều dưỡng	29/10/2031	Cấp lại do bị hỏng
3	NGUYỄN HỒNG ÁNH	20/09/2000	Tổ 19, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	019300001332	Điều dưỡng	002074	Điều dưỡng	29/10/2031	Cấp lại do thay đổi CCCD
4	DƯƠNG VĂN QUANG	10/4/1982	Xóm Thuần Pháp, xã Điềm Thụy, tỉnh Thái Nguyên	019082000901	Điều dưỡng	002075	Điều dưỡng	29/10/2031	Cấp lại do bị hỏng
5	LƯU KIM THANH	04/01/1985	TDP 9 Cải Đan, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	019085002071	Y sĩ	002076	Đa khoa	29/10/2031	Cấp mới
6	NGUYỄN THỊ NINH	09/4/2000	Tổ 9, phường Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên	036300007505	Dinh dưỡng lâm sàng	002077	Dinh dưỡng lâm sàng	29/10/2031	Cấp mới
7	NGUYỄN THÙY TRANG	20/7/2003	Xóm Đồng Nội, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên	019303000669	Điều dưỡng	002078	Điều dưỡng	29/10/2031	Cấp mới
8	NÔNG MAI TRINH	06/11/1996	Xóm Quán Vuông 2, xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	006196002783	Điều dưỡng	002079	Điều dưỡng	29/10/2031	Cấp mới
9	HÀ THỊ ĐÀ	09/01/1990	Xóm Đồng Làn, xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	006190003149	Y sĩ	002080	Đa khoa	29/10/2031	Cấp mới
10	HOÀNG THỊ THẮM	14/02/2002	Xóm Cạm Phước, xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	019302006211	Điều dưỡng	002081	Điều dưỡng	29/10/2031	Cấp mới
11	NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG	09/6/1987	Xóm Ao Đậu, xã Văn Hán, tỉnh Thái Nguyên	019087009226	Kỹ thuật y	002082	Phục hồi chức năng	29/10/2031	Cấp mới

TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Số Căn cước công dân	Chức danh chuyên môn	Số GPHN	Phạm vi hành nghề	Thời hạn giấy phép	Loại cấp
12	NGUYỄN KHÁNH LY	28/01/2001	Thôn Đoàn Kết, xã Phượng Tiến, tỉnh Thái Nguyên	019301009869	Điều dưỡng	002083	Điều dưỡng	29/10/2031	Cấp mới
13	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	30/11/1989	Thôn Nhuế, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội	019189002716	Điều dưỡng	002084	Điều dưỡng	29/10/2031	Cấp mới
14	NGUYỄN VÂN NGỌC	19/8/2001	TDP Hòa Bình, phường Bố Hạ, thành phố Bắc Ninh	024301006154	Bác sĩ	002085	Răng hàm mặt	29/10/2031	Cấp mới
15	NGUYỄN KIỀU BẢO	29/12/1994	Xóm Đoàn Kết, xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên	019094004341	Y sĩ	002086	Đa khoa	29/10/2031	Cấp mới
16	NGUYỄN MINH QUANG	11/5/2000	Xóm Thống Nhất, xã Phượng Tiến, tỉnh Thái Nguyên	019200003785	Bác sĩ	002087	Y học dự phòng	29/10/2031	Cấp mới
17	TRÁNG VĂN ĐẠI	24/3/1988	Tổ 24, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	002088011691	Bác sĩ	002088	Răng hàm mặt	29/10/2031	Cấp mới
18	NGUYỄN KIỀU CHINH	04/6/2001	Xóm Cầu Thành, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên	019301006642	Bác sĩ	002089	Răng hàm mặt	29/10/2031	Cấp mới
19	HOÀNG HẢI YẾN	02/10/2001	Thôn Trung Tâm, xã Thượng Bằng La, tỉnh Lào Cai	015301004415	Bác sĩ	002090	Răng hàm mặt	29/10/2031	Cấp mới
20	NÔNG THỊ LỆ	09/3/1995	Xóm Phú Minh, xã Phú Thịnh, tỉnh Thái Nguyên	019195002000	Hộ sinh	002091	Hộ sinh	29/10/2031	Cấp mới
21	NGUYỄN THỊ THÚY MINH	16/10/2003	Tổ 21, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	019303008414	Điều dưỡng	002092	Điều dưỡng	29/10/2031	Cấp mới
22	LẠI VĂN HUY	19/8/1994	Xóm Bá Vân, xã Tân Cương, tỉnh Thái Nguyên	019094010427	Y sĩ	002093	Đa khoa	29/10/2031	Cấp mới
23	BÙI HỮU KHUYẾN	01/11/2002	Tổ dân phố 2, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	008202004413	Điều dưỡng	002094	Điều dưỡng	29/10/2031	Cấp mới

TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Số Căn cước công dân	Chức danh chuyên môn	Số GPHN	Phạm vi hành nghề	Thời hạn giấy phép	Loại cấp
24	ĐỖ THỊ KHÁNH LY	30/5/1985	Tổ 37, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	019185011684	Kỹ thuật y	002095	Phục hồi chức năng	29/10/2031	Cấp mới
25	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	09/8/1994	Tổ 22, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	034194010967	Điều dưỡng	002096	Điều dưỡng	29/10/2031	Cấp mới
26	HÀ DUY TÙNG	13/9/1988	Tổ 7, phường Đức Xuân, tỉnh Thái Nguyên	006088000124	Bác sĩ	002097	Y khoa	29/10/2031	Cấp mới
27	BẾ NHẬT TUẤN	22/4/1999	Tổ 11, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	019099005464	Bác sĩ	002098	Y khoa	29/10/2031	Cấp mới
28	NGUYỄN HẢI ANH	15/8/1996	Tổ 8, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	019096000865	Bác sĩ	002099	Y học dự phòng	29/10/2031	Cấp mới
	Tổng số: 28 cá nhân								